

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH K
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 68/2021/HNST
Ngày: 14/6/2021
V/v "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH K

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Dung**

2. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ An Trinh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh K.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh K xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 88/2020/TLST-HN ngày 19 tháng 02 năm 2021 về việc: "Xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 379/2021/QĐST-HN ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ninh K, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị Thu D** sinh năm 1976

(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: N4-3, lầu 4, Chung cư Tây Nguyên Plaza, phường Phú T, quận Cái R, thành phố C.

Bị đơn: Ông **Tăng Ngọc Vĩnh P** sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: 90/32/16/34, Hùng Vương, phường Thới B, quận Ninh K, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày:

Năm 2013, bà D và ông P tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã P Tân, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng 02 năm gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên tranh cãi. Ông P có tính gia trưởng và dùng vũ lực đánh bà nhiều lần. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhằm duy trì quan hệ hôn nhân nhưng không đạt được kết quả như mong

muốn mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà D và ông P đã ly thân từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với ông Tăng Ngọc Vĩnh P.
- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có 01 con chung Tăng Khánh Q (nam) sinh ngày 15/10/2007. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành. Tại đơn khởi kiện bà D yêu cầu ông P cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành. Tại bản tự khai ngày 11/6/2021 bà D trình bày yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Tăng Ngọc Vĩnh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh K.

- *Về sự vắng mặt các đương sự:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn tham dự phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà D và ông P xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã P Tân, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/10/2003. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng 02 năm gần đây giữa ông bà thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống không thể hòa giải và hàn gắn được. Vì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được cho nên giữa bà D và ông P không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ly thân từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Bà D nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hoà giải nhưng ông P không có mặt theo thông báo của Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của ông P đối với quan hệ hôn nhân giữa ông và bà D. Hồ sơ thể hiện ông P nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt, ông P có đủ điều kiện để biết rõ về nội dung vụ án ly hôn nhưng không tham gia thể hiện ông không quan tâm đến quan hệ hôn nhân này. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà D và ông P mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất cho bà D và ông P ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Ông bà có 01 con chung Tăng Khánh Q (nam) sinh ngày 15/10/2007. Bà D yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét thấy bà D là người trực tiếp nuôi con từ khi sinh ra đến nay. Nguyên vọng của cháu Quân là được sống cùng với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D được trực tiếp nuôi con chung trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con để con phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần được quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con*: Căn cứ đơn khởi kiện bà D yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng đến khi con trưởng thành. Tại bản tự khai ngày 11/6/2021 bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là 745.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Quân đủ 18 tuổi.

Con chưa thành niên các bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Nên dành quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông P không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của cháu Quân.

Các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà D trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà và ông P không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, do xét xử vắng mặt ông P và bà D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[3] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn chịu theo quy định pháp luật. Bị đơn phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Thu D.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận cho bà Đinh Thị Thu D được ly hôn với ông Tăng Ngọc Vĩnh P.

2. *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con*: Giao cháu Tăng Khánh Q (nam) sinh ngày 15/10/2007 cho bà Đinh Thị Thu D nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Tăng Ngọc Vĩnh P cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Tăng Khánh Q đủ 18 tuổi.

Dành quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Tăng Ngọc Vĩnh P không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của cháu Tăng Khánh Q. Các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Đinh Thị Thu D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại phiếu thu số 0033484 ngày 29/12/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh K đã thu sang thành án phí.

5. *Về án phí cấp dưỡng nuôi con*: Ông Tăng Ngọc Vĩnh P phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố C;
- VKSND quận Ninh K;
- Chi cục THADS quận Ninh K;
- Cơ quan cấp giấy chứng nhận ĐKKH;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Trinh

